

Phụ lục
QUY ĐỊNH VỀ SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUNG CHO KHỐI VĂN PHÒNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên cơ quan	Số lượng tối đa (xe)	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung			
			Xe 4 hoặc 5 chỗ ngồi	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi	Xe 16 chỗ ngồi	Xe bán tải
1	Văn phòng Thành ủy	07	02	02 (loại 1 cầu)	02	01
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố	07	02	02 (loại 1 cầu)	03	0
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (bao gồm Ban Tiếp công dân)	09	02	03 (loại 1 cầu) 02 (loại 2 cầu)	02	0
Tổng cộng		23	06	09	07	01

*** Ghi chú:**

- Số lượng xe tối đa nêu trên đã bao gồm 03 xe được bổ sung thêm trong trường hợp Thành phố tự cân đối được ngân sách Nhà nước (tương ứng mỗi đơn vị được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị).

- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, lưu ý: giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.